

Số: 09/2020/QĐST-HNGĐ

Trăng Bom, ngày 03 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 631/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. Anh Mai Vũ Sơn B, sinh năm: 1984.

2. Chị Trần Thị Mỹ C, sinh năm: 1986.

Cùng địa chỉ: 142/2, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 07/12/2007 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp thì chị Trần Thị Mỹ C và anh Mai Vũ Sơn B là vợ chồng hợp pháp, nay anh chị xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đề ngày 20/8/2020 và tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trăng Bom, các bên đương sự đã thỏa thuận được về toàn bộ yêu cầu khởi kiện, với nội dung cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Vũ Sơn B và chị Trần Thị Mỹ C đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị thống nhất giao cháu Mai Vũ M, sinh ngày 05/7/2008 cho chị Trần Thị Mỹ C trực tiếp nuôi dưỡng, anh Mai Vũ Sơn B cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

- Về lệ phí: Anh Mai Vũ Sơn B và chị Trần Thị Mỹ C mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000 đồng, nhưng anh chị thỏa thuận anh Mai Vũ Sơn B chịu toàn bộ lệ phí.

Việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Mai Vũ Sơn B với chị Trần Thị Mỹ C.

- Về con chung: Giao cháu Mai Vũ M, sinh ngày 05/7/2008 cho chị Trần Thị Mỹ C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Mai Vũ Sơn B phải đóng góp cho chị Trần Thị Mỹ C tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng kể từ ngày ban hành quyết định 03/9/2020 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Mai Vũ Sơn B được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán tiền cấp dưỡng hàng tháng, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Anh chị trình bày không có nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Mai Vũ Sơn B phải chịu lệ phí là 300.000 đồng, nhưng trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp theo biên lai thu số 0005628 ngày 20/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh Mai Vũ Sơn B đã nộp xong lệ phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương